**Bảng 10: Điều tra cơ sở (Mẫu điều tra 10)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | | Nội dung | | | |  | | | | |
| 1 | | Tên cơ sở, cửa hàng: | | | |  | | | | |
| 2 | | Họ và tên người kinh doanh | | | |  | | | | |
| Địa chỉ : | | | |  | | | | |
| Điện thoại: | | | |  | | | | |
| 3 | | Loại nghề kinh doanh | | | |  | | | | |
| 4 | | Số đăng ký | | | |  | | | | |
| Ngày đăng ký | | | |  | | | | |
| 5 | | Tình trạng vệ sinh | | Mặt bằng | |  | | | | |
| Bếp | |  | | | | |
| Dụng cụ, trang thiết bị | |  | | | | |
| Nguồn nước | |  | | | | |
| Công trình vệ sinh | |  | | | | |
| Xử lý rác | |  | | | | |
| Nước thải | |  | | | | |
| Nơi chế biến | |  | | | | |
| Nơi bán hàng | |  | | | | |
| Côn trùng, động vật | |  | | | | |
| Bụi | |  | | | | |
| 6 | | Nhân viên | | | Số lượng | | | | |  |
| Tiền sử bệnh tật | | | | |  |
| Khám sức khoẻ định kỳ (Số lượng/Tổng số) | | | | |  |
| Trang bị bảo hộ (Số lượng/Tổng số) | | | | |  |
| Học tập kiến thứcVSATTP (Số lượng/Tổng số) | | | | |  |
| Cấy phân (Số lượng/Tổng số) | | | | |  |
| 7 | | Quản lý mặt hàng thực phẩm | | | Các loại mặt hàng thực phẩm kinh doanh: | | | | |  |
| Nguồn nguyên liệu | | | | |  |
| Phẩm mầu đã dùng | | | | |  |
| Phụ gia khác | | | | |  |
| Bảo quản thực phẩm | | Thực phẩm sống | | |  |
| Thực phẩm chín | | |  |
| 8 | | Người lấy mẫu xét nghiệm và niêm phong mẫu | | | | | | | |  |
|  | | | | | |  | |
| Chủ cơ sở  (Ký và ghi rõ họ, tên) | | | | | | | Ngày tháng năm Người điều tra | | | |

Phương pháp: Đến kiểm tra tại thực địa, qua giám sát kiểm tra các hồ sơ, các tài liệu, phỏng vấn những người liên quan để khai thác các thông tin và điền vào ô tương ứng bảng10.

11. Điều tra điều kiện môi trường và dịch bệnh ở địa phương